TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2025
V*/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Chung
Các Hội thẩm nhân dân: ông Lý Đình Đạt
ông Đặng Ngọc Long
-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Yến Ngọc -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:* bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Anh Dương Mạnh B, sinh năm: 1982 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
***Bị đơn:** Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1985 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Hiện nay đang ở nước ngoài).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 31/12/2024 nguyên đơn anh Dương Mạnh B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh làm dâu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế gia đình, nên đến khoảng năm 2016 thì chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thỉnh thoảng có về nước

thăm gia đình, thời gian đầu thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc và quan tâm đến nhau, sau đó do vợ chồng sống xa cách nhau lâu ngày lên tình cảm vợ chồng không còn đã từ lâu vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 26/12/2004 và cháu Dương Hoàng Á, sinh ngày 06/7/2009. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Dương Hoàng Á cho anh nuôi dưỡng, còn cháu Dương Hoàng A đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên anh không tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị T, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ các phiên tòa xét xử tại Tòa án.

Bị đơn chị Hoàng Thị T hiện đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị T, đến nay Tòa án không nhận được thông tin của chị T.

+Tòa án đã tiến hành làm việc với cháu Dương Hoàng A là con đẻ của chị Hoàng Thị T Cháu Dương Hoàng A trình bày: cháu là con đẻ của chị Hoàng Thị T, mẹ cháu hiện nay không có mặt tại địa phương, mẹ cháu hiện đang làm việc tại nước ngoài, mẹ cháu ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho cháu qua điện thoại. Về địa chỉ của mẹ cháu ở nước ngoài thì cháu không được biết nên không cung cấp cho Tòa án án được. Về việc bố cháu là Dương Mạnh B có đơn xin ly hôn với mẹ cháu là Hoàng Thị T cháu có thông báo cho mẹ cháu biết thì quan điểm của mẹ cháu là đồng ý ly hôn với bố cháu là Dương Mạnh B.

Về con chung có 02 con chung là cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 26/12/2004 và cháu Dương Hoàng Á, sinh ngày 06/7/2009, ly hôn thì quan điểm của mẹ cháu là đồng ý giao cháu Dương Hoàng Á, sinh ngày 06/7/2009 cho bố cháu là Dương Mạnh B nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con mẹ cháu không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi lời khai cháu Dương Hoàng Á, sinh ngày 06/7/2009 trình bày: Cháu là con của bố Dương Mạnh B và mẹ Hoàng Thị T, hiện nay cháu đang ở với bố, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn ở với bố Dương Mạnh B.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Mạnh B vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Hoàng Thị T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Dương Mạnh B; biên bản làm việc với cháu Dương Hoàng A và biên bản lấy lời khai của cháu Dương Hoàng Á và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Dương Mạnh B có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Hoàng Thị T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị T; Căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị T là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, 84 và khoản 2 điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; điều 271; điều 273; điều 150; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Mạnh B. Xử:

Về hôn nhân: cho anh Dương Mạnh B được ly hôn chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Hoàng Á, sinh ngày 06/7/2009 cho anh Dương Mạnh B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh B không yêu cầu.

Chị Hoàng Thị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về án phí: anh Dương Mạnh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: anh Dương Mạnh B là nguyên đơn là người Việt Nam, hiện đang sống ở Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị Hoàng Thị T. Bị đơn chị Hoàng Thị T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nhưng đang sống ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành làm việc với cháu Dương Hoàng A là con

gái của chị T, yêu cầu cháu A cung cấp địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài nhưng cháu A vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị T cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Hoàng Thị T hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 915/QLXNC-P3 ngày 14/01/2025 của Cục Q-Bộ C), thì chị T đã 05 lần xuất nhập cảnh, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 06/02/2023 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị T ở Việt Nam là: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình;khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3].Về sự vắng mặt của đương sự: anh Dương Mạnh B đề nghị xét xử vắng mặt, chị Hoàng Thị T vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về Hôn nhân: anh Dương Mạnh B và chị Hoàng Thị T có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh B và chị T phát sinh mâu thuẫn, anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Dương Mạnh B đối với chị Hoàng Thị T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh B và chị T về chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên do điều kiện kiện tế gia đình nên chị T đã nhiều lần đi nước ngoài lao động, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, sau đó do mỗi vợ chồng sống ở một nơi nên xảy ra bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa anh B và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Mạnh B. Xử cho anh Dương Mạnh B được ly hôn chị Hoàng Thị T.

[5]. Về con chung: anh Dương Mạnh B và chị Hoàng Thị T có 02 con chung là cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 26/12/2004 và cháu Dương Hoàng Á, sinh

ngày 06/7/2009. Ly hôn anh B đề nghị giao cháu Dương Hoàng Á, sinh ngày 06/7/2009 cho anh nuôi dưỡng, còn cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 26/12/2004 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh B: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị T đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Hoàng Thị T từ khi đi nước ngoài đến nay thì các con chung vẫn do anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, được đi học đầy đủ và cháu Á cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Hoàng B1 về nuôi con chung. Giao cho anh Dương Mạnh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Dương Hoàng Á, sinh ngày 06/7/2009 đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] .Về tài sản, công nợ: anh Dương Mạnh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: anh Dương Mạnh B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83, 84 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Dương Mạnh B được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

2.Về con chung: Giao cháu Dương Hoàng Á, sinh ngày 06/7/2009 cho anh Dương Mạnh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3.Về án phí: anh Dương Mạnh B phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000312 ngày 07/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (xác nhận anh Dương Mạnh B đã nộp đủ).

4.**Về quyền kháng cáo bản án**: anh Dương Mạnh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Hoàng Thị T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
-Các đương sự;
-Cổng thông tin điện tử TANDTC
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Chung